

Bản án số: 1095/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Soan

Bà Trần Thị Thanh Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thành Phong - cán bộ Tòa án nhân dân quận G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số: 312/2018/TLST-HNGĐ, Ngày 16 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018.

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1962; địa chỉ, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2018, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H, Thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2013 quyển số 01/2013 ngày 04 tháng 02 năm 2013. Bà H và ông V có 01 con chung tên là Nguyễn Phúc N, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2011. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, đã ly thân được mấy năm nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông V không còn, bà yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà H yêu cầu:

- Về con chung: Bà H xin là người trực tiếp nuôi con con chung tên là Nguyễn Phúc N và bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.
- Về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự, triệu tập bà H, ông V để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bà H vẫn xin được giải quyết ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập để triệu tập ông V tham gia phiên tòa, nhưng trong phiên tòa ngày 24/7/2018 ông V vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên Tòa hôm nay ông V vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết ly hôn theo nội dung đã trình bày là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2013 quyền số 01/2013 ngày 04 tháng 2 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường P, quận H, Thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị H đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông V là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận G theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào các biên bản tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 246/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 và các Giấy triệu tập tham gia phiên tòa thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn V tới tham gia phiên tòa nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[6] Về nội dung:

[7] Đối với yêu cầu ly hôn của bà H thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

[8] Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, theo nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không còn tình cảm, có mâu thuẫn trầm trọng, ly thân đã lâu. Tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà H và ông V cũng đã được Tòa án xác minh tại địa phương thì đúng như bà H trình bày tại Tòa án. Tòa đã lấy ý kiến của con chung của bà H và ông V thì cháu Nguyễn Phúc N có nguyện vọng được ở cùng với bà H nếu cha mẹ ly hôn. Như vậy cho thấy thực tế vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56, Điều 57 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy rằng nên chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

[9] Do bị đơn không tới Tòa án để tham gia tố tụng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông V, nhưng tại phiên tòa bà H khai ông V có nhận được văn bản triệu tập của Tòa án, có biết việc bà yêu cầu ly hôn, nhưng ông V nói không tới Tòa để tham gia tố tụng, việc bà H yêu cầu ly hôn thì giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[10] Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho bà H được ly hôn với ông V, cụ thể như sau:

[11] Về hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông V, quan hệ hôn nhân chấm dứt khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[12] Về con chung: Bà H được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên cho đến khi trưởng thành, ông V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì bà H không yêu cầu cấp dưỡng.

[13] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[14] Về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[15] Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 34/2013, quyền số: 01/2013 ngày 04 tháng 2 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường P, quận H, Thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị H hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Phúc N, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2011 từ ngày ly hôn đến khi con trưởng thành, ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của ông V. Nếu ông V lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông V.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) bà H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) đã tạm nộp án phí theo biên lai số: AA/2017/0028755 ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND q. G;
- THA DS q. G;
- UBND p P, q H, Tp HN;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn